TỔNG QUAN VỀ VẬN DỤNG MÔ HÌNH PBIS TRONG HỖ TRỢ HỌC SINH LỚP 1 CÓ RỐI LOẠN PHÁT TRIỂN HỌC HÒA NHẬP

Trần Thị Văng, Lê Thị Tâm, Phạm Thị Trang, Nguyễn Thị Kim Hoa
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: *Hỗ trợ và can thiệp hành vi tích cực (Positive Behavioral Interventions and Supports - PBIS) đã được chứng minh là một hướng tiếp cận hiệu quả trong việc hỗ trợ học sinh có rối loạn phát triển (RLPT) học hòa nhập, đặc biệt ở lứa tuổi tiểu học. Bài viết này trình bày tổng quan về cơ sở lý luận và bằng chứng nghiên cứu liên quan đến việc vận dụng mô hình PBIS theo ba cấp độ hỗ trợ (cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3). Các chiến lược phát triển hành vi tích cực trong từng cấp độ hỗ trợ được phân tích chi tiết. Qua đó, bài viết chỉ ra khoảng trống đáng kể trong việc triển khai PBIS trong bối cảnh Việt Nam: các nghiên cứu và thực hành hiện tại chủ yếu tập trung vào các can thiệp cá nhân hóa chuyên sâu ở cấp độ 3, trong khi nền tảng hỗ trợ phổ quát (cấp độ 1) và hỗ trợ nhóm (cấp độ 2) chưa được chú trọng đúng mức. Dựa trên phân tích này, bài viết đề xuất một số định hướng nghiên cứu và thực hành trong tương lai, nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển một cách tiếp cận hệ thống và toàn diện, bắt đầu từ việc củng cố các cấp độ hỗ trợ nền tảng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập một cách bền vững.*

Từ khóa: *Hành vi tích cực, giáo dục hòa nhập, hỗ trợ và can thiệp hành vi tích cực, rối loạn phát triển*

Nhận bài ngày 20.5.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Trần Thị Văng; Email: tranthuvision@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hòa nhập hiện nay đang trở thành một định hướng chiến lược trong hệ thống giáo dục hiện đại tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Mục tiêu của giáo dục hòa nhập là tạo cơ hội học tập bình đẳng cho mọi học sinh, bao gồm cả học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt, nhằm thúc đẩy sự công bằng, tôn trọng sự đa dạng và phát triển tiềm năng của từng cá nhân trong một môi trường học tập chung [1]. Trong những năm gần đây, việc tổ chức dạy học hòa nhập ở cấp tiểu học ngày càng được chú trọng, đặc biệt là đối với học sinh lớp 1, giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non sang tiểu học, đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành kỹ năng học tập và hành vi xã hội [2], [3], [4].

Trong quá trình học hòa nhập, nhóm học sinh có RLPT như rối loạn phổ tự kỷ, rối loạn tăng động giảm chú ý, khuyết tật trí tuệ... thường gặp nhiều khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập chung. Một trong những khó khăn phổ biến nhất là các vấn đề về hành vi chưa phù hợp như: mất kiểm soát cảm xúc, khó tuân thủ quy tắc, gây rối trật tự lớp học, hoặc hành vi tương tác xã hội không đúng mực [5], [6], [7], [8]. Những hành vi này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của chính học sinh, mà còn gây trở ngại cho quá trình giảng dạy của giáo viên và ảnh hưởng đến sự hòa nhập của cả lớp. Đặc biệt ở lứa tuổi lớp 1, thời điểm học sinh bắt đầu hình thành nhận thức về hành vi xã hội, nếu không được hỗ trợ kịp thời, những hành vi không phù hợp có thể kéo dài và trở thành rào cản nghiêm trọng trong quá trình hòa nhập của các em [5].

Trước thực trạng đó, mô hình Hỗ trợ hành vi tích cực và dựa trên bằng chứng PBIS đã được phát triển như một giải pháp toàn diện nhằm cải thiện hành vi học đường của học sinh RLPT [9], [10]. PBIS là một mô hình can thiệp hệ thống toàn trường, được tổ chức thành ba cấp độ hỗ trợ tăng

dần: Cấp độ 1 dành cho toàn bộ học sinh với mục tiêu phòng ngừa và củng cố hành vi tích cực; Cấp độ 2 hỗ trợ nhóm học sinh có nguy cơ thông qua các can thiệp có mục tiêu; Cấp độ 3 cung cấp các biện pháp chuyên sâu, cá nhân hóa dựa trên đánh giá hành vi chức năng [10], [11], [12]. Mô hình này nhấn mạnh việc ra quyết định dựa trên dữ liệu, chú trọng phòng ngừa chủ động và tạo lập hệ thống củng cố hành vi tích cực. Đối với học sinh có RLPT học hòa nhập, PBIS không chỉ hỗ trợ điều chỉnh hành vi mà còn thúc đẩy phát triển kỹ năng xã hội, tăng khả năng tự điều chỉnh và nâng cao hiệu quả hòa nhập trong môi trường học tập chung [13], [14].

2. NỘI DUNG

2.1. Mô hình PBIS và cấu trúc ba cấp độ hỗ trợ

Mô hình Hỗ trợ hành vi tích cực và dựa trên bằng chứng PBIS là một hệ thống can thiệp toàn trường nhằm cải thiện hành vi học sinh thông qua việc thiết lập môi trường giáo dục tích cực, nhất quán và có hệ thống. PBIS được tổ chức theo cấu trúc ba cấp độ can thiệp, phù hợp với mức độ nhu cầu khác nhau của học sinh, từ phòng ngừa phổ quát đến hỗ trợ chuyên sâu cá nhân hóa [11], [15].

Cấp độ 1 (Tier 1) được thiết kế như một lớp hỗ trợ phổ quát, áp dụng cho toàn bộ học sinh trong trường. Các biện pháp ở cấp độ này bao gồm việc xây dựng các quy tắc hành vi rõ ràng, giảng dạy kỹ năng xã hội cơ bản và củng cố hành vi tích cực thông qua phần thưởng và sự công nhận [16]. Mục tiêu là tạo ra một môi trường học an toàn, hỗ trợ và nhất quán, nơi hành vi phù hợp được khuyến khích và hành vi không phù hợp được phòng ngừa. Nghiên cứu cho thấy việc triển khai hiệu quả cấp độ 1 có thể giảm tới 20–30% các sự cố hành vi trong trường học [14].

Cấp độ 2 (Tier 2) hướng tới nhóm học sinh có nguy cơ hoặc biểu hiện hành vi không phù hợp ở mức độ vừa phải. Các can thiệp bao gồm hỗ trợ nhóm nhỏ, chương trình gặp mặt đầu và cuối buổi (Check-in/Check-out, CICO) và giảng dạy kỹ năng xã hội chuyên biệt. Các chiến lược ở cấp độ này tập trung vào việc củng cố kỹ năng chưa thành thạo và theo dõi tiến trình hành vi một cách hệ thống [17].

Cấp độ 3 (Tier 3) là lớp hỗ trợ chuyên sâu, dành cho những học sinh có hành vi nghiêm trọng hoặc kéo dài. Các can thiệp bao gồm xây dựng Kế hoạch can thiệp hành vi cá nhân hóa (Behavior Intervention Plan – BIP), dựa trên kết quả của Đánh giá chức năng hành vi (Functional Behavioral Assessment – FBA) [17], [18]. Các biện pháp ở cấp độ này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, gia đình và chuyên gia nhằm hỗ trợ toàn diện cho học sinh trong việc xây dựng kỹ năng thay thế, tự điều chỉnh và hòa nhập xã hội [17].

PBIS được xây dựng trên ba nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo hiệu quả và tính bền vững trong hỗ trợ hành vi học sinh. Thứ nhất là phòng ngừa hành vi chưa phù hợp thông qua việc thiết lập kỳ vọng hành vi rõ ràng và tạo dựng môi trường học tích cực, nhất quán. Nguyên tắc này giúp giảm tỷ lệ hành vi tiêu cực và xây dựng nền tảng cho hành vi phù hợp phát triển ngay từ cấp độ 1. Nguyên tắc thứ hai là củng cố hành vi tích cực, tập trung vào việc khen thưởng và công nhận hành vi phù hợp thay vì chỉ xử lý vi phạm. Điều này không chỉ tăng tần suất hành vi mong muốn mà còn thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa học sinh và giáo viên. Cuối cùng là nguyên tắc ra quyết định dựa trên dữ liệu, trong đó các thông tin về hành vi được thu thập và phân tích thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch can thiệp phù hợp, phát hiện sớm học sinh cần hỗ trợ và nâng cao hiệu quả quản lý hành vi toàn trường. Sự phối hợp chặt chẽ của ba nguyên tắc này giúp PBIS trở thành mô hình hiệu quả trong hỗ trợ học sinh RLPT, đặc biệt trong các lớp học hòa nhập đầu cấp tiểu học [19].

2.2. Ứng dụng PBIS trong hỗ trợ học sinh lớp 1 có RLPT

2.1. PBIS cấp độ 1 – Hỗ trợ phổ quát trong toàn trường và lớp học

PBIS Cấp độ 1 được coi là hỗ trợ nền tảng trong hệ thống can thiệp hành vi tích cực, được thiết kế để áp dụng cho tất cả học sinh trong toàn trường, bao gồm cả những học sinh có RLPT tham gia học hòa nhập ở bậc tiểu học. Mục tiêu của cấp độ này là xây dựng một môi trường học tập tích cực, nhất quán, có cấu trúc rõ ràng nhằm phòng ngừa hành vi không phù hợp và thúc đẩy sự hình thành các hành vi xã hội tích cực [14], [19].

Việc triển khai PBIS Cấp độ 1 thường xoay quanh ba cấu phần cốt lõi: tổ chức môi trường học đường tích cực, xây dựng kỳ vọng hành vi rõ ràng và nhất quán và áp dụng hệ thống củng cố hành vi tích cực. Những thành phần này phối hợp với nhau để hình thành một hệ sinh thái hành vi hỗ trợ toàn diện cho học sinh trong môi trường lớp học [10], [20].

Tổ chức và cấu trúc môi trường lớp học được coi là nền tảng cho việc điều chỉnh và hỗ trợ hành vi. Theo Bradshaw và cộng sự, không gian lớp học nên được tổ chức một cách có hệ thống

nhằm giảm thiểu các yếu tố gây kích thích tiêu cực như ánh sáng mạnh, tiếng ồn lớn hoặc bố trí không rõ ràng, từ đó tạo điều kiện cho học sinh, đặc biệt là học sinh có rối loạn phổ tự kỷ, tăng cường khả năng tập trung và kiểm soát hành vi [10]. Nguyễn Thị Hoa và Đỗ Thị Thảo cũng nhấn mạnh rằng một lớp học được bố trí khoa học không chỉ giúp học sinh hiểu được trình tự hoạt động trong ngày mà còn khuyến khích hành vi tích cực thông qua việc định hình kỳ vọng rõ ràng cho từng khu vực [5]. Nghiên cứu của Đào Thu Thủy (2017) cho thấy rằng việc tái cấu trúc không gian lớp mầm non bằng cách phân vùng rõ ràng, kết hợp các biển báo hình ảnh minh họa hành vi mong đợi, giúp giảm thiểu đáng kể hành vi không phù hợp ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ [21].

Xây dựng kỳ vọng hành vi rõ ràng là một yếu tố thiết yếu giúp học sinh hiểu được những hành vi nào là phù hợp trong từng bối cảnh lớp học và trường học. Theo Bradshaw và cộng sự, việc truyền đạt kỳ vọng hành vi cần được thực hiện bằng ngôn ngữ tích cực, ngắn gọn, dễ hiểu và đồng bộ giữa tất cả nhân sự trong trường học [9]. Freeman và cộng sự nhận định rằng học sinh, đặc biệt là học sinh RLPT, tiếp nhận kỳ vọng hành vi hiệu quả hơn khi được hỗ trợ bằng công cụ trực quan như bảng quy tắc hành vi, video mô phỏng hoặc câu chuyện xã hội [13]. Một nghiên cứu thực nghiệm của nhóm tác giả này cho thấy tỷ lệ hành vi không phù hợp ở học sinh có rối loạn phổ tự kỷ đã giảm tới 35% tại các trường áp dụng hệ thống kỳ vọng hành vi một cách thống nhất [22]. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc truyền thông nội bộ đồng nhất và tích cực để tạo ra môi trường giáo dục dựa trên chuẩn mực rõ ràng.

Củng cố hành vi tích cực đóng vai trò duy trì và gia tăng tần suất hành vi phù hợp trong môi trường học đường. Theo Horner, Sugai và Lewis, hệ thống củng cố hành vi cần được cá nhân hóa theo nhu cầu và sở thích của từng học sinh nhằm tối ưu hóa hiệu quả của việc duy trì hành vi tích cực [23]. Các hình thức củng cố phổ biến bao gồm: lời khen cụ thể, vé thưởng, quyền ưu tiên lựa chọn hoạt động, và bảng điểm hành vi. Tại Mỹ, việc sử dụng phần mềm Phần thưởng PBIS (PBIS Rewards) trong các trường tiểu học được ghi nhận là mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc hỗ trợ giáo viên theo dõi, ghi nhận và khuyến khích hành vi tích cực của học sinh [24]. Ngoài ra, McIntosh và cộng sự cũng nhấn mạnh vai trò của gia đình trong việc phối hợp với nhà trường nhằm củng cố nhất quán hành vi phù hợp của học sinh, từ đó tạo sự thống nhất giữa các môi trường học tập và sinh hoạt hàng ngày [25]. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoa và Đỗ Thị Thảo đã chứng minh rằng kỹ thuật củng cố hành vi tích cực khi được áp dụng phù hợp với học sinh tăng động – giảm tập trung trong lớp học đặc biệt đã giúp cải thiện rõ rệt mức độ hành vi thích ứng của các em [5].

Bên cạnh những lợi ích rõ ràng, việc triển khai PBIS Cấp độ 1 tại các trường tiểu học hòa nhập vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Bradshaw và cộng sự chỉ ra rằng thiếu đào tạo chuyên môn sâu về PBIS khiến giáo viên chưa thể áp dụng các kỹ thuật hành vi một cách bài bản và hiệu quả [9]. Tương tự, Horner và cộng sự nhận định rằng trong nhiều trường hợp, kỳ vọng hành vi chưa được điều chỉnh theo mức độ phát triển và đặc điểm cá nhân của học sinh có RLPT, dẫn đến việc khó tiếp nhận và tuân thủ [13]. Horner, Sugai và Anderson cũng cảnh báo rằng sự thiếu phối hợp giữa các thành viên trong nhà trường – từ ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, đến giáo viên bộ môn – có thể làm suy giảm hiệu quả của hệ thống hỗ trợ hành vi tích cực [26]. Dưới đây là tổng quan về các chiến lược chính, bằng chứng và những điểm cần cải thiện:

Bảng 1: Tổng quan các chiến lược can thiệp PBIS cấp độ 1

Chiến lược	**Cơ chế/ Mục tiêu cốt lõi**	**Bằng chứng Hiệu quả Chính (Ví dụ)**	**Hạn chế Khoảng trống**
Cấu trúc môi trường trường học và lớp học hòa nhập	Giảm kích thích tiêu cực, tăng tính dự đoán, cung cấp hỗ trợ trực quan, tạo không gian học tập tối ưu.	Giảm hành vi tiêu cực, cải thiện tập trung, giảm lo âu, cải thiện hành vi trẻ RPTK.	Thiếu cá nhân hóa theo từng dạng RLPT, chưa phù hợp văn hóa địa phương, thiếu nghiên cứu dài hạn.
Xây dựng kỳ vọng hành vi toàn trường/lớp	Tạo sự rõ ràng, nhất quán về hành vi mong đợi, tăng cảm giác an toàn, dễ thích nghi cho học sinh.	Giảm hành vi tiêu cực, tăng tuân thủ quy tắc của học sinh .	Ít nghiên cứu tại Việt Nam, không đồng nhất trong thực hiện giữa các nhân sự, thiếu đào tạo giáo viên .